

MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT QUỐC GIA VÀ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

27.12.2008 16:41

Đây là bài tiểu luận viết tháng 12/2008 của Ngân Thanh - sinh viên năm thứ nhất Khoa Cử nhân luật quốc tế , HV Ngoại Giao (Diplomatic Academy of Vietnam). Xin giới thiệu tới bạn đọc

1. Đặt vấn đề

Từ khi tiến hành đổi mới đến nay, trải qua hơn 20 năm, nước ta ngày càng hội nhập sâu rộng vào các hoạt động kinh tế, văn hóa, chính trị quốc tế. Trong quá trình đó, chúng ta đã kí kết nhiều điều ước quốc tế (ĐUQT) song phương, đa phương (tính đến thời điểm tháng 4/2008, có khoảng 700 điều ước quốc tế có hiệu lực đối với Việt Nam [1]). Đặc biệt, với sự kiện Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của tổ chức thương mại thế giới WTO ngày 07/11/2006, dự báo sẽ có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các ĐUQT mà Việt Nam tham gia ký kết, gia nhập. Do vậy, trách nhiệm của chúng ta là phải làm sao đảm bảo để các ĐUQT được thực thi một cách tốt nhất. Muốn vậy, trước hết cần phải tạo sự hài hòa giữa nội luật với luật pháp quốc tế, điều đó có nghĩa là ta phải làm rõ và giải quyết tốt mối quan hệ giữa hai phạm trù pháp luật này. Đây là một trong những đề tài gây ra nhiều tranh luận nhất trong giới luật gia Việt Nam hiện nay. Những vấn đề thường được đặt ra đó là: 1) Luật quốc gia và luật quốc tế nằm trong cùng một hệ thống pháp luật hay đó là hai hệ thống pháp luật độc lập; 2) Vị trí của các ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt; 3) Vấn đề về chuyển hóa và thực thi ĐUQT ở Việt Nam hiện nay...

Bài viết này sẽ đưa ra một số phân tích và ý kiến về mấy vấn đề nêu trên.

2. Các quan điểm cơ bản về mối quan hệ giữa ĐUQT và pháp luật quốc gia

2.1. Nhất nguyên luận và Nhị nguyên luận

Liên quan đến vấn đề xác định mối tương quan giữa luật quốc tế và pháp luật quốc gia, có hai học thuyết cơ bản thường được viện dẫn đó là thuyết Nhị nguyên luận (Dualism) và thuyết Nhất nguyên luận (Monism). Các đại diện tiêu biểu cho thuyết Nhị nguyên luận là H. Triepel, D.A. Anzilotti... cho rằng pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia là hai hệ thống hoàn toàn riêng biệt, “*không thể viện dẫn một điều ước quốc tế trước tòa án quốc gia, trừ khi điều ước đó đã được chuyển hóa vào bằng những quy định trong nước cụ thể*” [2]. Trái ngược với thuyết Nhị nguyên, thuyết Nhất nguyên cho rằng pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia nằm trong cùng một hệ thống pháp luật. Những người theo học thuyết này lại chia thành hai phái: phái ưu tiên pháp luật quốc gia đặt chủ quyền quốc gia lên trên hết, theo đó luật quốc tế chỉ là một bộ phận đối ngoại của các quốc gia; phái ưu tiên pháp luật quốc tế lại khẳng định luật quốc gia phải phụ thuộc vào luật quốc tế, trong trường hợp pháp luật quốc gia trái với luật pháp quốc tế thì pháp luật quốc gia sẽ bị coi là vô hiệu [3].

2.2. Các quan điểm khác

Hiện nay ngày càng có nhiều luật gia cũng như các chuyên gia về luật quốc tế không tán thành các nội dung của các thuyết nhất nguyên luận và thuyết nhị nguyên luận.

Theo thuyết Nhị nguyên luận, pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế là hai hệ thống hoàn toàn độc lập. Như vậy quan điểm này mâu thuẫn với thực tế: “*đời sống quốc tế xây dựng trên cơ sở cởi mở hòa nhập với nhau chứ không trên cơ sở tách biệt với nhau*” [4]. Hơn nữa “*yêu sách đòi đặt trật tự pháp luật chỉ ở cấp quốc gia ngang hàng với một trật tự pháp luật của toàn bộ nhân loại là một yêu sách thái quá*” [5].

Theo thuyết Nhất nguyên, nếu trật tự pháp luật quốc gia được đặt lên vị trí hàng đầu, tức là khi đó trật tự pháp luật của cả thế giới ở dưới một trật tự pháp luật mang tính quốc gia thì quả thật là phi logic. Còn nếu đặt trật tự pháp luật quốc tế lên trên thì sẽ đe dọa đến chủ quyền cũng như quyền dân tộc tự quyết của các quốc gia thành viên.

Có thể nói, hai hệ thống pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế đều có vị trí “*tối cao trong môi trường của mình*”[6]. Luật quốc tế có chủ thể của riêng mình – các quốc gia và các tổ chức quốc tế. Luật quốc gia cũng vậy, chủ thể của nó là Nhà nước và các pháp nhân, cá nhân trên lãnh thổ đó. Bên cạnh tính độc lập tác động như vậy, luật quốc tế và luật quốc gia cũng có mối quan hệ gắn bó mật thiết. Một trong những biểu hiện của điều này đó là các ĐUQT ngày càng trở thành một nguồn quan trọng của luật các quốc gia, đồng thời hướng luật quốc gia một số nước, đặc biệt là các nước đang phát triển, phát triển theo chiều hướng tiến bộ. Chẳng hạn các ĐUQT về nhân quyền đã tác động tích cực đến sự thay đổi pháp luật về nhân quyền ở các nước còn tồn tại chính sách phân biệt chủng tộc, giới tính... Ngược lại, cũng có rất nhiều quy phạm của luật quốc tế được xây dựng dựa trên các quy phạm pháp luật tiến bộ của một số quốc gia. VD: *Nguyên tắc bình đẳng giữa các quốc gia có chủ quyền, nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau* có xuất phát điểm chính là từ nguyên tắc đối ngoại của Nhà nước tư sản Pháp; *Nguyên tắc dân tộc tự quyết* được ghi nhận trong Hiến chương Liên Hợp Quốc, tuyên ngôn của phong trào không liên kết ... có nền tảng là *Sắc lệnh về hòa bình* của Nhà nước Xô Viết...

Từ thực tế trên, các luật gia quốc tế về mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia hiện nay cho rằng: luật quốc tế và luật quốc gia là hai hệ thống pháp luật tồn tại song hành và có mối quan hệ mật thiết với nhau, trong đó nhấn mạnh tính ưu thế của luật quốc tế so với luật quốc gia. Quan điểm này đảm bảo vững chắc hơn cho việc thực thi những nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế cũng như độc lập chủ quyền của mỗi quốc gia thành viên.

3.Vị trí của các ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam

3.1.Vai trò của ĐUQT trong các quan hệ pháp luật ở Việt Nam

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu hiện nay, ĐUQT là một trong những công cụ hiệu quả nhất mà các quốc gia có thể sử dụng để thiết lập các quan hệ đối ngoại. Chính vì thế, trong pháp luật các nước nói chung, pháp luật Việt Nam nói riêng, ĐUQT đóng một vai trò quan trọng và thường được ưu tiên áp dụng trong trường hợp xảy ra xung đột giữa các quy định của văn bản quy phạm pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế về cùng một vấn đề. Ngay từ cuối những năm 80 của thế kỷ trước, nguyên tắc ưu tiên áp dụng ĐUQT so với nội luật đã được chính thức ghi nhận trong một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến đối ngoại của nước ta. Dần dần, nó đã trở thành nội dung không thể thiếu trong các văn bản quy phạm pháp luật ở tất cả các cấp độ luật, pháp lệnh và các văn bản dưới luật. Gần đây nhất, tại Khoản 1 Điều 6 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT 2005 có quy định: “*Trong trường hợp ĐUQT mà CHXHCN Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của ĐUQT*”. Từ đây có thể hiểu “*trong một chừng mực nhất định nào đó, Việt Nam thừa nhận luật pháp quốc tế như một nguồn luật nằm ngoài hệ thống pháp luật quốc gia, được ưu tiên bổ sung cho pháp luật quốc gia để giải quyết các vấn đề phát sinh trong tiến trình hội nhập, nhằm đảm bảo chuẩn mực quốc tế vẫn được tôn trọng một khi pháp luật quốc gia chưa thể tiếp cận pháp luật quốc tế*”[7]. Điều này đã được tái khẳng định trong báo cáo của Bộ ngoại giao về dự thảo Luật ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT: một trong những “*mục tiêu quan trọng trong Chiến lược phát triển hệ thống pháp luật Việt Nam đến 2010*” là phải gắn kết được kế hoạch ký kết, gia nhập ĐUQT với chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhằm có được một hệ thống pháp luật thống nhất, phát triển[8].

3.2.Vấn đề xác định vị trí pháp lý của ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam

Xu hướng chung của pháp luật hầu hết các nước là thừa nhận tính ưu thế và ưu tiên thực hiện ĐUQT, tuy nhiên không để bị phụ thuộc vào ĐUQT để đảm bảo độc lập chủ quyền và các quyền

dân tộc tự quyết khác. Do đó, luật pháp một số nước coi ĐUQT có vị trí cao hơn luật và dưới Hiến pháp. Vậy ở Việt Nam hiện nay, vị trí pháp lý của ĐUQT được xác định như thế nào?

Nhìn chung về hệ thống pháp luật Việt Nam, hiện nay, địa vị pháp lý của ĐUQT mới chỉ được quy định rải rác trong các văn bản pháp luật chứ chưa được xác định rõ trong Hiến pháp 1992 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2001) hay bất kỳ văn bản pháp luật có hiệu lực cao nào. Về tương quan giữa ĐUQT và luật, công thức chung của hầu hết các văn bản pháp luật trong thời gian gần đây đó là văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng cho mọi cá nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng *“trong trường hợp ĐUQT mà CHXHCN Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của văn bản này thì tuân theo các quy định của ĐUQT đó”*. Mặc dù các văn bản pháp luật quy định nguyên tắc “ưu tiên” áp dụng ĐUQT khi có điều khoản khác quy định của nội luật nhưng đây chưa phải là điều khoản xác định vị trí của ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Về mối tương quan của ĐUQT so với Hiến pháp cũng chưa có quy định chính thức nào mà chỉ nêu:

“ĐUQT được ký kết, gia nhập và thực hiện trên cơ sở tuân thủ những nguyên tắc sau:

1

*2. Phù hợp với các quy định của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam
.....”[9]*

Do vậy, việc có một số ý kiến cho rằng *“ ĐUQT có vị trí dưới Hiến pháp và trên luật và các văn bản dưới luật”*, theo ý kiến chủ quan của cá nhân tôi là chưa có đầy đủ căn cứ để đi đến kết luận. Tiếp tục đặt vấn đề xem xét vị trí của ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam vào thời điểm hiện nay xem ra không phải là vấn đề cần thiết nhất và e rằng sẽ gây ra những tranh cãi không đáng có. Bởi một khi Nhà nước đã ký kết các ĐUQT tức là đã trải qua một quá trình thẩm định tính hợp hiến của nội dung điều ước đó rồi, cho nên sẽ phải bằng những phương tiện sẵn có của mình thực hiện các cam kết đã ký [10]. Hơn nữa, với việc trở thành thành viên chính thức của Công ước Viên 1969 về Luật điều ước quốc tế ngày 10/10/2001, Việt Nam đã thừa nhận nguyên tắc tận tâm thực hiện các cam kết quốc tế (tiếng la-tin là pacta sunt servanda) được quy định tại Điều 26 của Công ước này: *“Mọi điều ước đã có hiệu lực đều ràng buộc các bên tham gia điều ước và phải được các bên thi hành với thiện ý”*. Đồng thời, tại Điều 27 của Công ước cũng nêu ra quy tắc tôn trọng các cam kết. quốc tế của các quốc gia kết ước: *“Một bên kết ước không thể viện dẫn những quy định của pháp luật trong nước của mình làm lý do để không thi hành một điều ước mà mình đã kí”* Chỉ với quy tắc này, pháp luật quốc tế đã gần như mặc định các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia phải tự điều chỉnh để thực hiện được các nghĩa vụ đã cam kết. Nên làm thế nào để hài hòa các quy định của hai hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế mới là vấn đề tối quan trọng trong thời điểm hiện nay.

4. Một số vấn đề về thực thi ĐUQT ở Việt Nam hiện nay

4.1. Cách thức áp dụng nội dung ĐUQT vào thực tế pháp luật

Xuất phát từ các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế, Nhà nước của mỗi quốc gia là thành viên của ĐUQT đều có quyền hạn và trách nhiệm xác định cách thức thực thi các điều khoản của ĐUQT trong phạm vi quyền lực pháp lý của mình. Hành vi này được các chuyên gia về luật quốc tế gọi là “chuyển hóa ĐUQT vào luật quốc gia” (với các tên gọi khác nhau: “incorporation”, “transformation”, “reception”) [11]. Thực tế thực thi ĐUQT tại các quốc gia hiện nay thường tồn tại hai cách thức chuyển hóa ĐUQT vào pháp luật quốc gia: chuyển hóa trực tiếp và chuyển hóa gián tiếp.

Trong pháp luật Việt Nam, tại Khoản 3 Điều 6 Luật ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT 2005 có quy định:

“Căn cứ vào yêu cầu, nội dung, tính chất của ĐUQT, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của ĐUQT đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐUQT đó với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của ĐUQT đã đủ rõ, chi tiết để thực hiện; quyết định hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐUQT đó.”

Từ quy định này có thể thấy pháp luật Việt Nam thừa nhận hai cách thức áp dụng ĐUQT vào thực tiễn pháp luật đó là: áp dụng trực tiếp và áp dụng gián tiếp.

Áp dụng trực tiếp có nghĩa là khi ĐUQT đã được ký kết và có hiệu lực thì mọi cá nhân, tổ chức là đối tượng điều chỉnh của điều ước đó đều có nghĩa vụ thi hành và công dân, hoàn toàn có thể viện dẫn các quy định của ĐUQT đó trước Tòa án để bảo vệ lợi ích chính đáng của mình. Đây là cách thức thực thi ĐUQT được áp dụng rộng rãi trong pháp luật các nước trên thế giới từ giữa thế kỉ XX nhưng cho đến nay hãy còn khá mới mẻ đối với pháp luật Việt Nam. Sở dĩ như vậy bởi lâu nay tâm lí chung của cả các cơ quan hữu quan và người dân

Việt Nam thường hiểu chưa đúng rằng pháp luật chỉ bao gồm các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành chứ không bao gồm cả các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đây là hệ quả của công tác tuyên truyền các ĐUQT còn chưa thực sự sâu rộng. Tuy nhiên trong thực tiễn cũng đã có một số quy định của ĐUQT được áp dụng trực tiếp vào đời sống pháp luật. Chẳng hạn như trong Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO đã liệt kê các quy định liên quan đến nội dung cam kết được áp dụng trực tiếp của Việt Nam là: Luật doanh nghiệp, Luật luật sư, Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Điện ảnh. Hoặc Hiệp định về thuế chẳng hạn, đây là loại hiệp định luôn có hiệu lực cao hơn nội luật và được áp dụng trực tiếp, bởi lẽ có hay không có hành vi chuyển hóa hầu như không có ý nghĩa thực tế trong trường hợp áp dụng mức thuế đã cam kết giữa các quốc gia.

Còn áp dụng gián tiếp là việc quốc gia thành viên ban hành một đạo luật để chuyển hóa các quy định của điều ước quốc tế vào nội luật. Trường hợp này xảy ra khi nội dung của ĐUQT chưa đủ cụ thể, rõ ràng để có thể áp dụng trực tiếp vào thực tiễn pháp luật hoặc nội dung điều ước đó có điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong Hiến pháp. Cách thức này đã được tiến hành để chuyển hóa một số *điều ước về quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự* trong pháp lệnh về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam; chuyển hóa nội dung *Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ* (CEDAW) vào trong Luật Bình đẳng giới. Nhiều quy định của các ĐUQT khác cũng đã được chuyển hóa thành các quy định trong các đạo luật của Việt Nam, nhất là từ khi chúng ta gia nhập WTO như: Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự, Luật cạnh tranh, Luật thương mại... có nhiều quy định tương thích với các quy định của *Công ước BERN* về bảo hộ tác phẩm văn học nghệ thuật, *Công ước Paris* về bảo hộ sở hữu công nghiệp; Pháp lệnh về công nhận và thi hành của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam hài hòa với các quy tắc của *Công ước New York* năm 1958...

Nếu như trước kia, việc chuyển hóa ĐUQT vào pháp luật quốc gia còn chưa được quy định cụ thể, thì với việc Quốc hội thông qua Luật ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT năm 2005, vấn đề áp dụng trực tiếp ĐUQT vào đời sống pháp luật đã chính thức được thừa nhận. Theo đó, trong trường hợp nội dung của ĐUQT đã cụ thể, rõ ràng, Nhà nước sẽ không cần phải thực hiện các thủ tục chuyển hóa ĐUQT bằng việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật truyền thống vừa phức tạp, vừa tốn kém, mà chỉ cần ra quyết định thừa nhận toàn bộ hoặc một phần nội dung của ĐUQT

đó để nội dung điều ước có thể đi vào thời kỳ thực hành[12].Điều này hứa hẹn đem đến những biến chuyển to lớn cho công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của nước nhà trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng như hiện nay.

4.2. Mâu thuẫn và giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thực thi ĐUQT ở Việt Nam.

4.2.1. Mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thực thi ĐUQT

Để đi đến ký kết một ĐUQT, Bộ Tư pháp đã phải tiến hành một quy trình thẩm định kỹ lưỡng về tính hợp hiến, mức độ tương thích các quy định pháp luật trong nước... Nhưng khi nội dung của điều ước được thi hành trong thực tiễn thì hoàn toàn vẫn có thể xảy ra mâu thuẫn giữa quy định của hai hệ thống pháp luật quốc gia và quốc tế. Thực tế này có thể là do tình trạng văn bản hướng dẫn thi hành có nội dung không thống nhất với văn bản được hướng dẫn dẫn đến làm vô hiệu hóa luật [13]. Thực trạng này thậm chí còn xảy ra ở cả các văn bản pháp luật trong nước! Nguyên nhân thứ hai có thể dẫn ra ở đây đó là trong quá trình giải thích luật mới phát hiện ra các mâu thuẫn có thể có nhưng chưa phát hiện được trong quá trình thẩm tra, phê duyệt [14].

Trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay, Việt Nam hoàn toàn có nguy cơ phải đối mặt với các ĐUQT có nội dung trái Hiến pháp. Mà theo quy định của pháp luật Việt Nam thì nội dung ĐUQT mà Việt Nam ký kết phải “*phù hợp với các quy định của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam*” [15]. Theo đó, có thể hiểu, pháp luật Việt Nam không chấp nhận những điều khoản trong các điều ước có nội dung trái với Hiến pháp. Điều này xét về một phương diện nào đó hoàn toàn không có lợi cho các quan hệ ngoại giao của Việt Nam. Như vậy đòi hỏi chúng ta cần phải có cách xử lý khéo léo cho vấn đề này để đảm bảo được các quyền tự chủ và dân tộc tự quyết mà vẫn thể hiện được chủ trương hội nhập quốc tế “*Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực*”[16].

4.2.2. Vấn đề giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thực thi ĐUQT.

Về vấn đề giải quyết mâu thuẫn phát sinh trong quá trình thực thi ĐUQT, trong pháp luật Việt Nam hiện nay mới chỉ có quy định: “*Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật và ĐUQT mà CHXHCN Việt Nam là thành viên quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của ĐUQT*” [17]. Từ đây có thể đưa ra phương thức xử lý những điểm chưa thống nhất giữa ĐUQT và các văn bản luật trong nước: để thực hiện điều khoản trái hoặc chưa được quy định trong nội luật thì có thể áp dụng trực tiếp ĐUQT đó mà không cần chuyển hóa nội dung điều ước vào pháp luật trong nước hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong nước cho phù hợp sau khi ĐUQT có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên chỉ với quy định này thì chúng ta hãy còn bỏ ngỏ việc giải quyết mâu thuẫn phát sinh giữa ĐUQT và Hiến pháp. Một số nước, trong đó tiêu biểu là Cộng hòa Pháp, đã đưa ra cách giải quyết tương đối linh hoạt cho vấn đề này: tiến hành sửa đổi Hiến pháp cho phù hợp với nội dung ĐUQT mà Nhà nước tham gia kết ước[18]. Vậy nên chẳng ở Việt Nam, pháp luật cho phép đưa vào nội dung của điều ước những điều khoản có nội dung trái với Hiến pháp nhưng trước khi chấp nhận ràng buộc thì phải tiến hành sửa đổi Hiến pháp? Bởi cần phải lưu ý rằng: pháp luật quốc gia vẫn trong quá trình tiếp cận với luật pháp quốc tế, những quy định trong nội luật chưa hẳn lúc nào cũng là tối ưu, nhất là trong khi tình hình thế giới biến đổi không phải từng ngày mà từng giờ.

Bên cạnh giải pháp tình thế được đưa ra khi “việc đã rồi” như trên, về lâu dài, chúng ta cần tăng cường hơn nữa công tác chủ động nghiên cứu, phân tích ĐUQT để xây có thể xây dựng các quy phạm pháp luật trên cơ sở tính đến ĐUQT mà Việt Nam sắp hoặc có thể trở thành thành viên trong tương lai. Mong rằng Việt Nam sẽ sớm có được một hệ thống pháp luật tương đối phù hợp với chuẩn luật pháp quốc tế.

5. Kết luận

Nói chung, thật khó có thể đưa ra được một quan điểm hoàn toàn thỏa đáng về các vấn đề liên quan đến mối quan hệ điều ước quốc tế và pháp luật quốc gia trong thời điểm hiện nay, khi mà luật pháp quốc gia còn chưa thực sự có được những quy định cụ thể, rõ ràng về vấn đề này, và giới luật gia hãy còn nhiều tranh cãi chưa thể thống nhất trong một sớm một chiều. Bởi cả hai hệ thống pháp luật trong nước và quốc tế đều là những thực thể động, không ngừng thay đổi để bắt nhịp với sự phát triển của đời sống xã hội. Do vậy, cần phải xác định, nhiệm vụ xác định và giải quyết mối quan hệ giữa hai hệ thống pháp luật này là một quá trình lâu dài và sẽ không bao giờ hết tính thời sự.

[1] Chỉ thị số 14/2008/CT-TTg ngày 22/04/2008 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp tăng cường kiểm tra, đôn đốc, thực hiện các ĐUQT trong lĩnh vực kinh tế thương mại.

[2] “Xây dựng dự thảo luật điều ước quốc tế : Từ ĐUQT đến pháp luật quốc gia”, www.vnlawfind.com.vn (Theo báo Pháp luật 17/02/2005).

[3] Xem thêm: “Về việc áp dụng ĐUQT và quan hệ thứ bậc giữa ĐUQT và pháp luật quốc gia”, Nguyễn Bá Diên, <http://www.vnu.edu.vn/en/contents/index.php?ID=717>.

[4], [5] Nhà pháp luật Việt – Pháp, Nhập môn luật học, Jean – Claude Ricci, “Quan hệ thứ bậc giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế”, trang 47.

[6] Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, “Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật”.

[7] Xem thêm: *Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Bùi Ngọc Toàn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 02(69), tháng 2/2006.

[8] Báo cáo của Bộ ngoại giao (tháng 5/2004): *Tổng kết 5 năm thực hiện Pháp lệnh về kí kết và thực hiện ĐUQT (1998 – 2003)*.

[9] Điều 3 Chương I, *Luật ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT* của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 41/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

[10] Xem thêm: *Bàn về việc thực thi ĐUQT*, Hoàng Ngọc Giao, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3/2005

[11] Xem thêm: *Bàn về việc thực thi ĐUQT*, Hoàng Ngọc Giao, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3/2005.

[12] Xem thêm: *Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*, Bùi Ngọc Toàn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 02 (69) tháng 2/2006.

[13] Xem thêm: *Đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật quốc gia và quốc tế ở Việt Nam*, TS. Lê Thành Long, Hội nghị khoa học về tính thống nhất của hệ thống pháp luật (31/8 – 1/9/2006).

[14] Xem thêm: *Đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản pháp luật quốc gia và quốc tế ở Việt Nam*, TS. Lê Thành Long, Hội nghị khoa học về tính thống nhất của hệ thống pháp luật (31/8 – 1/9/2006).

[15] Khoản 2 Điều 3, *Luật ký kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT* của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 41/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

[16] Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2006, trang 112.

[17] Khoản 1 Điều 6, *Luật ký, kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT* của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam số 41/2005/QH11 ngày 14/06/2005.

[18] Điều 54 của Hiến pháp 1958 Cộng hòa Pháp quy định: “Theo yêu cầu của Tổng thống, Thủ tướng hay Chủ tịch Thượng viện hoặc Hạ viện, nếu Hội đồng bảo hiến đã tuyên bố về một cam kết quốc tế có chứa đựng một điều khoản trái với Hiến pháp thì việc cho phép phê duyệt hay phê chuẩn nó chỉ có thể diễn ra sau khi có sửa đổi Hiến pháp”. Thực tế, từ khi ban hành Hiến pháp 1958 đến nay, Pháp đã trải qua 4 lần sửa đổi Hiến pháp để tham gia các điều ước: Hiệp ước Maxtrict 1992, Hiệp ước Amsterdam 1999, Hiệp ước thành lập Tòa Hình sự quốc tế, Hiến chương về các ngôn ngữ trong khu vực.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Văn kiện pháp lý

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992* (đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số 51 của Quốc hội ngày 25/12/2001).
2. *Luật ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế* do Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
3. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, NXB Chính trị quốc gia, 2006.
4. *Chỉ thị số 14/2008/CT – TTg ngày 22/04/2008 của Thủ tướng Chính phủ về các biện pháp tăng cường kiểm tra, đôn đốc thực hiện các ĐUQT trong lĩnh vực kinh tế thương mại.*

Sách, giáo trình

1. *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*, Trường Đại học Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, 2008.
2. *Giáo trình Luật quốc tế*, Trường Đại học Luật Hà Nội NXB Công an nhân dân, 2008.
3. *Giáo trình Pháp luật đại cương*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, chủ biên Nguyễn Hợp Toàn, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2006.
4. *Tìm hiểu luật quốc tế*, Nguyễn Trung Tín, NXB Đồng Nai, 2000.
5. *Luật quốc tế - lý luận và thực tiễn*, Trần Văn Thắng và Lê Mai Anh, NXB Giáo dục, 2001
6. *Những vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và pháp luật*, Viện nghiên cứu Nhà nước và pháp luật, NXB Chính trị quốc gia.
7. *Nhập môn luật học*, Nhà pháp luật Việt – Pháp, Jean – Claude Ricci.
8. *Thời cơ và thách thức khi Việt Nam gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, 2006.
9. *Chính sách đối ngoại Việt Nam, tập II 1975 – 2006*, Học viện Quan hệ quốc tế, TS. Nguyễn Vũ Tùng, NXB Thế giới.

Bài báo, tạp chí

1. *Bàn về việc thực thi ĐUQT*, Hoàng Ngọc Giao, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3/2005.
2. *Pháp luật Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam*, Bùi Ngọc Toàn, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 02 (69) tháng 2/2006.
3. *Các loại nguồn của pháp luật Việt Nam hiện nay*, Nguyễn Thị Hồi, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp số 12 (128) tháng 8/2008.
4. *ĐUQT với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong quá trình hội nhập*, Vũ Mão, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp tháng 1/2005.
5. *Mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế trong xu thế toàn cầu hóa*, Thái Vĩnh Thắng, Tạp chí Luật học số 2/2003.

Website

1. *Đảm bảo sự thống nhất giữa các văn bản quy phạm pháp luật quốc gia và quốc tế ở Việt Nam*, TS. Lê Thành Long nguồn: [http://www.lerap.org/files/wto - vn/china/lerap](http://www.lerap.org/files/wto-vn/china/lerap).
2. *Xây dựng dự thảo Luật ĐUQT: Từ ĐUQT đến pháp luật quốc gia*, Báo Pháp luật ngày 17/02/2005, Ngô Đức Mạnh, nguồn: <http://www.mofa.gov.vn/vi>.
3. *Về việc áp dụng ĐUQT và quan hệ thứ bậc giữa ĐUQT và pháp luật quốc gia*, Nguyễn Bá Diễn, nguồn: <http://www.vnu.edu.vn/en/contents/index>.
4. *Vai trò của ĐUQT trong hệ thống pháp luật Việt Nam*, TS.
5. *Dự án luật về ĐUQT: Tòa án không có trách nhiệm áp dụng ĐUQT khi có xét xử*, Báo Pháp luật ngày 25/02/2005, nguồn: <http://www.vnlawfind.com.vn>.

.....

<http://www.sinhvienluat.vn/news/modules.php?name=News&op=viewst&sid=455>